

Số: 75 /KH-UBND

Bình Phước, ngày 06 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 16/TTr-SNN ngày 02/02/2023 và Báo cáo số 03/BC-SNN ngày 09/01/2023 về đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch) như sau:

I. THỰC TRẠNG CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

1. Lĩnh vực trồng trọt và lâm nghiệp

- Khâu làm đất đạt 90% (gồm các loại máy cơ giới như: Máy xới, máy cày).

- Khâu xuống giống: Cây lúa, cây ngắn ngày đạt 10%; các cây trồng khác thì nông dân vẫn làm thủ công (bằng tay, máy giã đơn) để xuống giống, chưa có điều kiện đầu tư máy móc tiên tiến, hiện đại.

- Khâu chăm sóc: Khâu làm cỏ các lĩnh vực đạt trên 80% bằng máy (như máy phát cỏ chuyên dùng hoặc máy cày, bừa chuyên dùng). Khâu bón phân mới chỉ đạt dưới 01% (chủ yếu sử dụng sức lao động của con người). Khâu tưới, tiêu đạt 85% diện tích sản xuất được tưới, tiêu bằng bơm điện, hệ thống tưới tự động, chủ động. Khâu phun thuốc bảo vệ thực vật đạt 85% (bình phun xịt bằng máy phát điện, máy cày và máy chuyên dùng, đa năng).

- Khâu thu hoạch: Đối với cây lúa đạt 95% (máy gặt đập liên hoàn). Các loại cây trồng khác vẫn làm thủ công hoặc máy giã đơn hoặc tự chế.

- Khâu vận chuyển: đạt 100% được vận chuyển bằng cơ giới, chuyên dùng.

2. Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

- Đối với chăn nuôi quy mô trang trại, chăn nuôi gia công: Mức độ cơ giới hóa về chuồng trại trên 60% (cung cấp nước, thức ăn tự động, hệ thống làm mát, thông gió, có thể điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, hệ thống xử lý nước thải...).

- Đối với chăn nuôi theo quy mô nông hộ, gia đình: Việc áp dụng cơ giới hóa khoảng 10% (chủ yếu sử dụng các máy cắt cỏ, máy nghiền, máy trộn thức ăn, máy thái...).

- Đối với khâu sơ chế, bảo quản sản phẩm chăn nuôi: Hiện có 28⁽¹⁾ cơ sở giết mổ gia súc tập trung, trong đó, 10% cơ sở giết mổ gia súc có ứng dụng cơ giới hóa (hệ thống giết mổ dây chuyền; hệ thống đóng gói, hút chân không...), còn lại chủ yếu vẫn là cơ sở giết mổ thủ công, công nghệ trung bình, truyền thống, đáp ứng nhu cầu của từng địa phương.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030.

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

- Nghị quyết số 01/NQ-ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần XI nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 04-NQ/TU Ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về việc chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy về việc ban hành Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhiệm kỳ 2021 -2026 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, gồm:

+ Kết luận số 367-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

¹ Cụ thể: 23 cơ sở giết mổ gia súc với hệ thống giết mổ treo; 03 cơ sở giết mổ gia cầm tập trung tại huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Hớn Quản; 02 nhà máy giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm gà huyện Chơn Thành phục vụ nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Kết luận số 368-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.

+ Kết luận số 369-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

+ Kết luận số 370-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về định hướng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ và chế biến nông, lâm, thủy sản (sau đây gọi tắt là nông sản) về cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị và điều kiện đầu tư phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất của từng vùng sản xuất, địa phương, ưu tiên đối với các vùng sản xuất hàng hóa, tập trung, trọng điểm và ngành hàng có giá trị gia tăng cao, sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết vùng.

2. Yêu cầu

- Phát triển cơ giới hóa phải gắn với quá trình cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với chuỗi giá trị thông qua các mô hình hợp tác, liên kết tổ chức sản xuất; sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao và sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nắm bắt cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), số hóa, tự động hóa để phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, hiệu quả và bền vững thích nghi với lực lượng sản xuất, phương

thức sản xuất của tỉnh.

- Định hướng với các ngành hàng chính, cụ thể như sau:

+ Đối với lĩnh vực trồng trọt: Tất cả các khâu từ làm đất, gieo trồng, chăm sóc (tưới, phun thuốc, làm cỏ), thu hoạch, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch.

+ Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Tập trung vào khâu phối trộn thức ăn, chăm sóc, ưu tiên các mô hình chăn nuôi trang trại quy mô lớn, trại kín, công nghệ cao theo chuỗi, an toàn dịch bệnh.

+ Đối với lĩnh vực sơ chế, bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản: Ưu tiên các doanh nghiệp, hợp tác xã có quy mô lớn, hiện đại, có trình độ và năng lực công nghệ tiên tiến, kết hợp với phát triển các cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến quy mô vừa và nhỏ nhằm tạo sự đồng bộ, gắn kết, lan tỏa theo chuỗi; Đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng chế biến sâu; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực xuất khẩu và phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp.

IV. NỘI DUNG

1. Cơ giới hóa các ngành nông sản chủ yếu của tỉnh

a) Đối với trồng trọt và lâm nghiệp

- Khâu làm đất: Cơ bản được cơ giới hóa, sử dụng các loại máy kéo 2, 4 bánh có năng suất, hiệu quả và điều kiện lao động thuận lợi phân đầu mức độ cơ giới hóa tại khâu làm đất bình quân đạt trên 90%.

- Khâu gieo trồng: Chuyển dần từ gieo trồng bằng công cụ thủ công, giản đơn sang sử dụng máy đưa mức độ cơ giới hóa khâu gieo trồng lên 80%.

- Khâu chăm sóc: Sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật có chất lượng bảo đảm theo quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, bảo vệ sức khỏe cho nông dân, môi trường tăng 40-60%. Sử dụng máy kéo đa năng chăm sóc (vun, xới) đạt 50-60%; máy bay không người lái: 01%.

- Khâu tưới, tiêu: Áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt, phun mưa...) cho cây rau màu, một số cây công nghiệp (Hồ tiêu, cà phê, ca cao...) và cây ăn trái đạt trên 80%.

- Khâu thu hoạch: Thực hiện thu hoạch bằng cơ giới hóa trên 50%.

- Khâu sơ chế, bảo quản sau thu hoạch: Có khoảng 30% sản lượng nông sản đủ điều kiện, có nhu cầu được sơ chế, bảo quản sau thu hoạch và trên 70% số cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ và năng lực công nghệ trung bình trở lên.

- Giảm tổn thất sau thu hoạch bình quân xuống còn 18,6%.

b) Đối với chăn nuôi

- Áp dụng máy, thiết bị cho chăn nuôi nông hộ theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp, có kỹ thuật và công nghệ phù hợp để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường vừa bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm.

- Cơ giới, tự động hóa chăn nuôi chuồng trại: Hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động đạt 70%, hệ thống làm mát đạt 40-50%.

- Cơ giới hóa chế biến thức ăn (trâu, bò, gia cầm) từ 40 - 50%.

- Cơ giới hóa vệ sinh chuồng trại, đạt 70-75%. Chú trọng xử lý chất thải chăn nuôi thành các sản phẩm dưới dạng năng lượng (nhiệt - điện) và phân bón cho cây trồng.

2. Phát triển sơ chế, bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị, công nghệ sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, chế biến nông sản để đa dạng hóa sản phẩm chế biến sâu, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh nông sản; kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu.

- Khuyến khích đầu tư mới, mở rộng cơ sở chế biến, bảo quản đảm bảo đủ năng lực chế biến, bảo quản đối với những ngành hàng chủ yếu của tỉnh, gắn với xây dựng vùng nguyên liệu; trong đó, ưu tiên kêu gọi đầu tư các nhà máy chế biến sâu: Điều, tiêu, cao su, gỗ... chế biến sản phẩm chăn nuôi (thịt gà, thịt lợn) và một số loại trái cây (Sầu riêng, Mít, Bưởi, Bơ).

3. Về đào tạo, tập huấn

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề cơ khí, vận hành máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân, kỹ thuật sơ chế, bảo quản nông sản nhất là hình thức tập huấn ngắn hạn, tại chỗ thông qua công tác khuyến công, các lớp tập huấn chuyên giao tiến bộ kỹ thuật trong vận hành máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nghề cho nông dân, tổ chức hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ.

- Đào tạo đặt hàng theo nhu cầu của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

4. Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa, xây dựng các mô hình trình diễn áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản

- Hỗ trợ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp: Tập trung hỗ trợ máy, thiết bị nhằm xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch.

- Hỗ trợ phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch: Tập trung triển khai các nội dung tại Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau

thu hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện về thể chế, chính sách

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, nghiên cứu hoàn thiện quy định để quản lý, thực hiện.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân đầu tư vào cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch; sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, chế biến chuyên sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, đồng thời có chính sách thúc đẩy doanh nghiệp/hợp tác xã khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực cơ giới hóa và chế biến nông sản.

- Hoàn thiện chính sách, phát luật về đất đai theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất đai và cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn được cơ giới hóa đồng bộ và kết nối với cụm ngành chế biến, thị trường tiêu thụ, phù hợp với điều kiện từng vùng, ngành hàng.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất

- Tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển nhóm sản phẩm (sản phẩm chủ lực quốc gia, cấp tỉnh, sản phẩm là đặc sản của địa phương) được cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với lợi thế của từng vùng, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với khu chế biến nông sản, khu dịch vụ thương mại và khu du lịch, liên kết vùng.

- Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp theo hướng nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức đại diện nông dân, đẩy mạnh tập trung đất đai, tăng quy mô tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa và phát triển chế biến nông sản; phát triển các tổ chức hợp tác, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ và kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột” của chuỗi giá trị.

- Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; chú trọng phát triển các doanh nghiệp chế biến, bảo quản có đủ năng lực về vốn, công nghệ và thị trường tiêu thụ để dẫn dắt chuỗi giá trị nông sản, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả; khuyến khích phát triển các cụm liên kết làm động lực của các vùng.

3. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

- Tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào đầu tư phát triển cơ giới hóa và chế biến nông sản.

- Đổi mới nội dung và cách thức chuyển giao tiên bộ kỹ thuật cho người sản xuất, ưu tiên công tác chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật về cơ giới hóa; đào tạo, tập huấn thường xuyên cho doanh nghiệp nhỏ tại nông thôn, các hợp tác xã và người nông dân về ứng dụng công nghệ mới trong cơ giới hóa và bảo quản, chế biến nông sản trong các chương trình khuyến nông.

- Khuyến khích áp dụng công nghệ tin học, tự động kết nối điện thoại thông minh, xây dựng các phần mềm truy xuất nguồn gốc nông sản, tăng niềm tin của người tiêu dùng và trách nhiệm, uy tín nhà sản xuất.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của thế giới như: HACCP, ISO, BRC, FSC... trong tất cả các cơ sở chế biến nông sản, nhất là các cơ sở chế biến xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Xây dựng một số mô hình hợp tác, liên kết ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, nông nghiệp chính xác, vật liệu mới; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ để phát triển sản xuất, sơ chế và chế biến nông sản theo hướng an toàn, hữu cơ, sinh thái.

4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Từng bước chuẩn hóa đội ngũ lao động điều khiển máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản theo hướng đào tạo, huấn luyện có chứng chỉ, bằng cấp; tăng cường công tác huấn luyện an toàn vệ sinh cho người lao động và sử dụng lao động trong máy móc, thiết bị, công nghệ và chế biến nông sản.

- Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại.

5. Hợp tác và hội nhập kinh tế trong và ngoài nước

- Tăng cường chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến với các tổ chức quốc tế, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Triển khai thực hiện các nội dung thỏa thuận về lĩnh vực nông nghiệp của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết; tăng cường áp dụng quy trình công nghệ, hệ thống quản trị tiên tiến, hiện đại của thế giới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực trong cơ giới hóa và chế biến nông sản phù hợp với điều kiện của tỉnh.

6. Phát triển tín dụng trong sản xuất nông nghiệp

Triển khai hiệu quả chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phù hợp với các đối tượng khách hàng.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện, bao gồm:

1. Vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, vốn tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Vốn từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật; lồng ghép trong các chương trình Mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có liên quan.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch; triển khai các Chương trình, Đề án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước và thẩm quyền được giao; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, các địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tham mưu bố trí ngân sách hàng năm để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và nâng cao năng lực chế biến nông sản theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ban, ngành, địa phương, hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ cho cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; triển khai các giải pháp xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin về tình hình thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản và nông sản chế biến của tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, các tiên bộ khoa học, công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành cơ khí nông nghiệp, hướng dẫn thực hiện các quy định về chất lượng sản phẩm.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện tốt các nội dung tại Nghị định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận với nguồn vốn vay để đưa cơ giới hóa vào phát triển sản xuất.

- Tăng cường kết nối giữa ngân hàng với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đặc biệt là các dự án đầu tư vào cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

7. Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương xây dựng Kế hoạch và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, nhà nước về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông sản tập trung, mô hình; các dự án, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và chế biến nông sản.

- Hàng năm, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để hỗ trợ cho cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan khẩn trương và nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) xem xét, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH và Báo Bình Phước;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (NN-102/02).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền